



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn Thành Trung
Last Middle First

Current Address: 53 F Cu Kà Cầm Long Ngõ Tắt T8' F.22 Q. Bình Thạnh TP HCM

Date of Birth: 12/22/47 Place of Birth: Vinh Long

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/24/75 To 09/02/80
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Thế rồi.

Ngay khi Thanh Thủy là em ruột của anh họ, sau
khi họ mới tan nhà giúp đỡ cho. Thanh Thủy cảm ơn.

Hình đã nhận đầy đủ của tôi, mới sẽ cảm ơn
bởi tôi đã trả.

Hồ sơ của mình giờ đây mới 9/86 gần có 3 phần
bị theo lời tôi đã dẫn. Khi tôi nhận đủ lấy thì
xin cho biết để có thể nhận. Tôi sẽ nhận
thế này, rồi đây giờ mình cũng có cái nhận để
lo cho các gia đình mình. Khi tôi có thể nhận hoàn tất
hình này của mình mà cũng đủ. Tôi chỉ hy vọng.
Bà họ

Dep. Chup

DDP
Car 5
Ward 2



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYỄN THÀNH TRUNG
East Middle First

Current Address 53^f Cù Xá Cầu Long, Ngõ Tắt Tắt, F. 22, Q. Bình Thạnh, HCMC

Date of Birth 12-22-1947 Place of Birth Vĩnh Long, S. VN.

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From _____ To _____

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>None</u>			
_____		_____	
_____		_____	

Form Completed By:

Name H G D. T. N. C. T. V. N.
F. V. N. P. P. A.
P. O. Box 5435
Address Arlington, VA 22205

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

SF. Nguyễn Thanh Trung. SBT Trường Nghệ Thuật
P.22 Quận Bình Thạnh TP.Hồ Chí Minh

RECEIVED
NOV 07 1986

PAR AVION



PAR AVION VIA AIR MAIL



Bà KHUOC MINH THO
P.O.Box 5435

ARLINGTON VA 22205-0635

U.S.A

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: 20.9.1986
Ngày: _____



Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN THANH TRUNG Sex: Phái Nam
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 22.12.1947 Long Châu Vĩnh Long Việt Nam
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 869 TĐ 2 ấp Bình Phú xã Bình Hòa huyện Châu Thành tỉnh An Giang Việt Nam
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : 53 F cũ xã Cửu Long đường Ngô Tất Tố P.2 Quận Bình Thạnh TP Hồ Chí Minh Việt Nam
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : làm ruộng

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. Hoàng Thị Sương sinh năm 1947 tại Vĩnh Hòa Châu Thành					
2. Hoàng Thị Sương vợ					
3. Nguyễn Thị Sương sinh năm 1947 tại Vĩnh Hòa Châu Thành					
4. Hoàng Thị Sương con					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	
D. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	: Bùi Quang Nghiệp	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	: Anh rể	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	Trần Văn Đức (Chết)
2. Mother Mẹ	:	Nguyễn Thị Hòa (Sống)
3. Spouse Vợ/Chồng:	:	Huỳnh Thị Sương (Sống)
4. Former Spouse (if any), Vợ/Chồng trước (nếu có):	:	
5. Children Con cái:	(1)	Nguyễn Huỳnh Trần Nhân (Sống)
	(2)	
	(3)	
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	
6. Siblings Anh chị em:	(1)	Trần Văn Nghĩa (Sống) anh
	(2)	Trần Văn Nam (Sống) em
	(3)	
	(4)	
	(5)	
	(6)	
	(7)	
	(8)	
	(9)	

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên Họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with CVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban Hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN-THÀNH-TRUNG

2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 14.7.1968 Đến 30.4.1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Trung úy Serial Number: 67/804340
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Đoàn bác sĩ Tâm B/340 Yểm trợ Y tế

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Đại úy Trần Minh Tâm
giếp (Công Binh)

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

: Thay đổi chính phủ ngày 30.4.75

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Viet-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đường sự có không? Có ☐ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Tên trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

NGUYỄN-THÀNH-TRUNG

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

Tới:

24.6.1975

25.8.1980

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cứcc chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên:

Date

Ngày:

20.9.1986

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1/ Bản sao giấy ra trại (tờ có mặt).

~~2/ Bản sao giấy ra trại (tờ có mặt).~~

~~3/ Bản sao giấy ra trại (tờ có mặt).~~

~~4/ Bản sao giấy ra trại (tờ có mặt).~~

ĐƠN XIN XÁC NHẬN

Kính gửi: Công an thành phố Cần Thơ

Tôi đứng tên dưới đây là Nguyễn Thành Trung sinh năm 1947 tại Long Châu Bình Long, và tên: Trần Thị Thiên Kim 1949.

Nguyên tôi có tham gia chế độ cũ, cấp bậc: Trung úy nguyễn công bình. Khi miền Nam hoàn toàn giải phóng 30.4.75, đến 24.6.75 tôi từng đến học tập cải tạo theo lệnh gọi của ủy ban quân quản Cần Thơ. Ngày 2.9.80 tôi được trả tự do theo quyết định ra ngày 21.8.1980 của trại cải tạo Xuyên-Mộc (Đồng Nai) cấp với địa chỉ về gia đình là: 98/7 quận Hưng Đạo Cần Thơ.

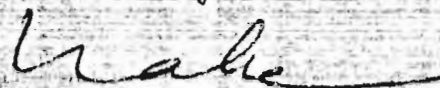
Khi trở về thì nhà tại địa chỉ trên đã và tôi đã bán về ở bên vợ huyện Phụng Hiệp, lúc đó tôi có trình diện Công an thành phố Cần Thơ, đồng thời làm đơn xin được chuyển về sống chung với vợ huyện Phụng Hiệp xã Tân Bình (bây giờ là xã Bình Chánh). Công an thành phố cho tôi làm tờ yêu lý lịch để lên hồ sơ, đồng thời chấp thuận chuyển tôi về huyện Phụng Hiệp (chứng chuyển được ghi thẳng vào giấy ra trại và có số công văn trong tháng 9.1980).

Đến nay, vì xui xẻo, giấy ra trại của tôi bị thất lạc. Đến tôi làm đơn này kính xin Công an thành phố Cần Thơ lúc lại số để xác nhận và việc nêu trên vào đơn có mặt của tôi để được hợp lệ.

Trong khi chờ đợi sự xác nhận, kính xin Công an thành phố Cần Thơ nhận nơi đây lòng thành kính và biết ơn của tôi.

TP. Cần Thơ ngày 16. tháng 7. 1985.

Đường H.



Nguyễn Thành Trung.

